TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/DS-ST
Ngày: 08-9-2025
"V/v: Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-ĐỒNG Nai

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đước

Ông Đỗ Văn Kha

-Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9-Đồng Nai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải Lý -Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 9-Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 407/2024/TLST-DS ngày 05/12/2024 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXX-ST ngày 26/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-DS ngày 15/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9-Đồng Nai giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số nhà 119, đường B, khu phố H, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1976

Bà Nông Thị B, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: đường N, khu phố M, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D trình bày:

Bà D và ông N có mối quan hệ quen biết nhau nên ngày 09/8/2024, bà D cho vợ chồng ông Nguyễn Thành N và bà Nông Thị B vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thoả thuận thời hạn mượn từ 10-15 ngày kể từ ngày mượn. Đến thời hạn trả nợ thì bà D đến nhà ông N đòi nhiều lần thì ông N và bà B đã trả cho bà D 1.000.000.000 đồng (cụ thể trả lần 1 vào ngày 21/9/2020 là 500.000.000 đồng; lần 2 vào ngày 09/10/2020 là 500.000.000 đồng), còn nợ lại số tiền 500.000.000 đồng. Bà D đã nhiều lần đòi nợ nhưng ông N và bà B cố tình né tránh, không trả tiền cho bà D.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thành N và bà Nông Thị B trả cho bà D số tiền 500.000.000đồng.

Bị đơn *ông Nguyễn Thành N và bà Nông Thị B* **vắng mặt trong qua trình Toà án giải quyết.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Người tham gia tố tụng bị đơn ông Thiện vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ quy áp dụng quy định tại Điều 115, 117, 119; 299; 463, 466 BLDS năm 2015; Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng 2024; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về án phí và nghĩa vụ thi hành án đề nghị Tòa án áp dụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Ngọc D khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn *ông Nguyễn Thành N và bà Nông Thị B* có nơi cư trú tại phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về việc vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn *ông Nguyễn Thành N và bà Nông Thị B* mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra ý kiến chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2]Về nội D vụ án:

Theo Giấy mượn tiền ngày 05/9/2025 thể hiện ông Nguyễn Thành N, vợ là Nông Thị B có mượn của anh, chị Nguyễn Ngọc D số tiền 1.500.000.000đồng, thời gian mượn là 10-15 ngày, kể từ ngày mượn. Ông N và bà B ký tên và lăn tay; phía dưới từ giấy vay thể hiện ngày 21/9/2020 trả bớt chị D 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng), còn lại 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng); ngày 09/10/2020 trả anh chị 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng), ông Nguyễn Thành N ký tên.

Bà D cho rằng số tiền còn lại 500.000.000đồng bà D đã đến nhà đòi vợ chồng ông N, bà B liên tục, ông N, bà B cứ hứa hẹn mãi và không thực hiện và có hành vi né tránh bà D khi bà D đến nhà đòi. Nay, bà D khởi kiện yêu cầu ông N, bà B liên đới trả cho bà D số tiền 500.000.000đồng và không yêu cầu trả lãi lãi suất.

Xét thấy, các bên có xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 256, 463 Bộ luật dân sự năm 2005. Trong quá trình giải quyết ông N, bà B

đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ nhưng ông N, bà B không đến Tòa án nên không làm việc được với ông N, bà B, việc ông N, bà B vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra ý kiến chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Đồng Nai có cơ sở nên được chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: ông N, bà B phải chịu theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với số tiền phải trả 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng) là 24.000.000đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc D.

3. Buộc ông Nguyễn Thành N và bà Nông Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc D số tiền 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Thành N và bà Nông Thị B phải chịu án phí là 24.000.000đồng(Hai mươi bốn triệu đồng).

Hoàn trả bà Nguyễn Ngọc D Trân số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.000.000đồng (Mười ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001706 ngày 19/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, nay là Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tai khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn ông Thiện vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;
-VKSND TP. Đồng Xoài;
-Chi cục THADS TP. Đồng Xoài;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Nga